

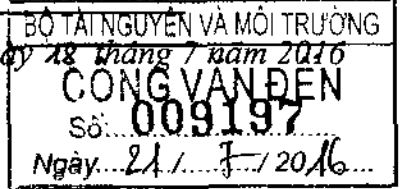
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: **3753/UBND-ĐTMT**

Về báo cáo tình hình quản lý  
chất thải trên địa bàn thành phố

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2016



Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Công văn số 1300/BTNMT-TCMT ngày 13 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo tình hình quản lý chất thải trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 28 và Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 38/2015/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh báo cáo các nội dung liên quan đến tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, CTRCNTT trên địa bàn thành phố trong năm 2015 cụ thể như sau:

**I. Tình hình phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

**1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

**a) Tình hình phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn thành phố phát sinh từ 07 nguồn sau: khu dân cư, khu vực cơ quan, khu thương mại, nhà hàng - khách sạn, khu vực sản xuất, cơ sở y tế, khu vực công cộng.

Tổng khối lượng CTRSH được thu gom, vận chuyển và được xử lý tại 02 Khu liên hợp xử lý chất thải của thành phố (Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Phước Hiệp - huyện Củ Chi và Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước - huyện Bình Chánh) trong năm 2015 là 2.737.675,44 tấn, trung bình 7.500 tấn/ngày.

**b) Công tác thu gom, vận chuyển:**

Công tác thu gom tại nguồn: trên địa bàn thành phố đang tồn tại song song hai hệ thống tổ chức thu gom CTRSH tại nguồn: (1) Hệ thống thu gom công lập do lực lượng của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích các quận - huyện thực hiện (thu gom khoảng 40% khối lượng CTRSH phát sinh thu gom tại các hộ mặt tiền đường) và (2) Hệ thống thu gom dân lập do các cá nhân thu gom rác tự do, các nghiệp đoàn thu gom và các HTX vệ sinh môi trường thực hiện (thu gom khoảng 60% khối lượng CTRSH phát sinh chủ yếu tại các hộ gia đình trong hẻm, các chung cư).

Công tác thu gom vận chuyển:

- Số lượng điểm hẹn: khoảng 1.000 điểm hẹn, trong đó tập trung chủ yếu ở các quận nội thành trong thành phố như: quận 3 (276 điểm), quận 1 (100 điểm), quận 10 (88 điểm), quận 8 (66 điểm), quận Tân Bình (65 điểm), quận Bình Thạnh (64 điểm), số còn lại phân bố rải rác ở các quận huyện.

- Số lượng trạm trung chuyển CTRSH: 31 trạm, có nhiệm vụ tập trung lượng CTRSH từ các xe thu gom tại nguồn và từ các điểm hẹn.

- Mạng lưới thu gom, vận chuyển CTRSH từ các điểm hẹn về trạm trung chuyển và vận chuyển CTRSH đến các Khu liên hợp xử lý chất thải trên địa bàn thành phố hiện do 3 đơn vị cùng thực hiện: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố (tỷ lệ 53%), Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích một số quận huyện (tỷ lệ 30%) và HTX Vận tải Công Nông (tỷ lệ 17%).

### **c) Công tác xử lý:**

CTRSH phát sinh trên địa bàn thành phố được thu gom, xử lý tại 02 Khu liên hợp xử lý chất thải của thành phố: (1) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc Củ Chi - huyện Củ Chi và (2) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước - huyện Bình Chánh, với các công trình, nhà máy xử lý như sau:

- Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước - huyện Bình Chánh do Công ty TNHH Xử lý Chất thải Việt Nam (VWS) làm chủ đầu tư.

- Nhà máy xử lý CTRSH bằng công nghệ tái chế nhựa và làm compost do Công ty Cổ phần Vietstar làm chủ đầu tư.

- Nhà máy xử lý CTRSH: công nghệ tái chế nhựa, làm phân vi sinh (compost) và đốt chất thải còn lại do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa làm chủ đầu tư.

## **2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Hiện nay, thành phố chưa kiểm soát được chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT) lẫn trong CTRSH trong công đoạn thu gom vận chuyển và chưa có số liệu thống kê chi tiết về thành phần và khối lượng CTR CNTT chuyển giao trên địa bàn thành phố.

## **II. Tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

### **1. Chính sách quản lý chất thải của thành phố:**

Thành phố đang triển khai xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Dự kiến hoàn thành và triển khai cơ bản trong năm 2017. Bên cạnh đó, thành phố cũng đang triển khai rà soát, xây dựng quy định về quản lý CTRSH, quy định thay thế Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí

vệ sinh và phí BVMT đối với CTRTT nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành như: Luật BVMT năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

## **2. Tổ chức bộ máy quản lý:**

Hệ thống QLCTR trên địa bàn thành phố được tổ chức theo các cấp như sau:

- Cấp thành phố: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn trên địa bàn thành phố. Phòng QLCTR thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp làm nhiệm vụ tham mưu và giúp Sở thực hiện chức năng nhiệm vụ này.

- Cấp quận - huyện: Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn trên địa bàn quận - huyện. Phòng Tài nguyên và Môi trường trực tiếp làm nhiệm vụ tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện chức năng nhiệm vụ này.

- Ở cấp phường - xã: Ủy ban nhân dân phường - xã giao cho các cán bộ trật tự đô thị hoặc địa chính kiêm nhiệm công tác quản lý môi trường nói chung và chất thải rắn nói riêng trên địa bàn phường - xã.

## **3. Nguồn nhân lực và tài chính cho công tác quản lý chất thải**

### **a) Nhân lực:**

Để thực hiện công tác QLCTR trên địa bàn thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường có khoảng 26 người, trong đó có 21 nhân sự của Phòng QLCTR và khoảng 5 nhân sự của Thanh tra Sở.

Ngoài ra, thành phố còn có nguồn lực từ phòng Quản lý môi trường của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường thuộc Công an thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện. Tại các đơn vị này không có nhân sự chuyên trách công tác QLCTR mà chỉ có nhân sự cho công tác quản lý môi trường nói chung bao gồm quản lý chất thải rắn.

### **b) Tài chính:**

Nguồn tài chính cho công tác quản lý CTRSH trên địa bàn thành phố như sau:

- Đối với công tác thu gom tại nguồn: chủ nguồn thải tự chi trả chi phí cho đơn vị thu gom theo quy định tại Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu phí vệ sinh và phí BVMT đối với chất thải rắn thông thường.

- Đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý: do thành phố chi trả bằng nguồn ngân sách nhà nước và tùy theo đối tượng chủ nguồn thải mà thành phố bù đắp chi phí như sau:

+ Chủ nguồn thải là hộ gia đình: bù đắp toàn bộ chi phí.

+ Chủ nguồn thải ngoài hộ gia đình: bù đắp một phần chi phí.

#### **4. Hạ tầng kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị**

Hiện nay, nhân sự thực hiện công tác QLCTR trên địa bàn thành phố chỉ được trang bị các phương tiện làm việc cơ bản như: máy tính, hệ thống mạng, chưa có các công cụ tin học để hỗ trợ trong công tác QLCTR (phần mềm thống kê cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải...). Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về QLCTR cho đến nay chỉ được thực hiện bằng hình thức kiểm tra trực tiếp tại hiện trường, kiểm tra các hồ sơ pháp lý có liên quan, chưa có các phương tiện kỹ thuật nào để giám sát, theo dõi quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

#### **5. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân và doanh nghiệp:**

Thành phố đã đầu tư trang thiết bị phương tiện, tổ chức chương trình phân loại rác tại nguồn hộ gia đình tại một số phường - xã trên địa bàn thành phố (phường 12 quận 6, phường Tân Thới Hiệp quận 12, phường 5 và phường 6 quận 3, phường 1 quận 5, phường 14 quận Bình Thạnh) để từ đó nhân rộng mô hình trên toàn thành phố trong thời gian tới. Thành phố đang triển khai nhiều hoạt động, chương trình nhằm đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng chất thải sinh hoạt song song với các công nghệ xử lý chất thải truyền thống như đốt, làm compost, chôn lấp hợp vệ sinh.

### **III. Những tồn tại, nguyên nhân, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn trong thời gian tới**

#### **1. Những tồn tại và nguyên nhân:**

a) Tình trạng người dân xả rác trên đường phố, nhiều hộ dân sinh sống ven kênh rạch, trên tàu, ghe,..vẫn còn thói quen thải bỏ chất thải xuống sông, kênh, rạch làm tắc nghẽn cục bộ gây ô nhiễm môi trường ở một số tuyến kênh, rạch tại một số quận - huyện ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị do vẫn còn một bộ phận người dân còn ý thức kém.

b) Việc lắp đặt các thùng rác công cộng phục vụ cho người dân hiện nay còn thiếu, chưa đáp ứng đủ về số lượng. Hệ thống thu gom, vận chuyển CTRSH hiện nay chưa bao phủ hết các tuyến, hẻm của các quận - huyện ở vùng ven ngoại thành, chưa có cơ chế hỗ trợ cho hoạt động thu gom rác dân lập ở vùng ven ngoại thành.

c) Phương tiện thu gom của lực lượng rác dân lập còn thô sơ chưa đảm bảo về mặt kỹ thuật, đồng thời vẫn còn một số phương tiện vận chuyển CTRSH về các Khu liên hợp xử lý chưa hiện đại do đó vẫn còn phát sinh nước rỉ rác và mùi trong quá trình vận chuyển rác.

d) Đối với công tác thu phí vệ sinh và phí BVMT:

- Có sự mâu thuẫn về các đối tượng thực hiện phí vệ sinh và biểu giá dịch vụ theo Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP: đối với Thông tư 02/2014/TT-BTC quy định phí vệ sinh áp dụng cho tất cả các đối tượng, trong khi Nghị định số 38/2015/NĐ-CP quy định phí vệ sinh chỉ áp dụng cho đối tượng hộ gia đình, ngoài hộ gia đình áp dụng biểu giá dịch vụ.

- Chưa rõ ràng về đối tượng áp dụng phí vệ sinh quy định trong Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, cụ thể: Tại Khoản 3, Điều 16 quy định *hộ gia đình nộp phí vệ sinh ...; hộ ngoài gia đình ký hợp đồng dịch vụ ...* và Khoản 4, Điều 28 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *Xây dựng phí vệ sinh cho tất cả các đối tượng trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Theo Luật phí và lệ phí, phí vệ sinh chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, ngân sách đang chi trả trực tiếp cho 2 dịch vụ vận chuyển và xử lý CTRSH thông qua hợp đồng cung ứng dịch vụ với các đơn vị vận chuyển, xử lý. Khi chuyển từ phí sang giá dịch vụ theo nguyên tắc ai cung cấp dịch vụ thì sẽ nhận chi phí này và chi phí phải tính đúng, tính đủ đảm bảo cho tất cả các hoạt động từ thu gom tại nguồn, vận chuyển và xử lý. Tuy nhiên, với thực trạng của thành phố thì việc thực hiện theo giá dịch vụ đúng đủ là không thể triển khai trong giai đoạn này vì nó ảnh hưởng đến toàn xã hội.

e) Các quy định Nhà nước về chất thải hiện nay còn thiếu, hệ thống quản lý nhà nước chỉ dựa vào nguồn lực con người là chính, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kiểm soát, giám sát chất thải còn triển khai chậm. Nhân sự quản lý còn thiếu và mỏng từ cấp tỉnh đến phường - xã. Thêm vào đó, việc đầu tư cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật của phương tiện vận chuyển chất thải còn chậm, chưa kịp thời một phần do ngân sách thành phố chưa thể đáp ứng ngay để triển khai thực hiện. Vì vậy, hệ thống quản lý nhà nước về môi trường hiện nay chưa theo kịp với tốc độ phát triển của thành phố.

## **2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trong thời gian tới**

a) Hoàn thành đồ án Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Xây dựng Quy định QLCTR sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; Xây dựng đề án xác định vị trí các trạm trung chuyển và đầu tư, cải tạo các trạm trung chuyển CTRSH trên địa bàn thành phố;

c) Đầu tư đồng bộ công nghệ, trang thiết bị hệ thống thu gom tại nguồn, vận chuyển và xử lý CTRSH.

d) Xây dựng và triển khai Đề án mạng lưới nhà vệ sinh công cộng, thùng rác công cộng trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2017-2018; kêu gọi xã hội

hóa đầu tư các nhà vệ sinh công cộng, thùng rác công cộng trên bộ, trên sông đáp ứng nhu cầu sử dụng và giữ gìn môi trường trên địa bàn thành phố.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu gom, vận chuyển CTRSH.

g) Xây dựng và thiết lập mạng lưới cơ sở dữ liệu để QLCTR sinh hoạt.

h) Xây dựng cơ chế mở rộng công tác thu gom, vận chuyển CTRSH tại các vùng ven, ngoại thành, chuyển đổi mô hình thu gom và chuyển đổi phương tiện, trang thiết bị của lực lượng thu gom tại nguồn.

i) Phân cấp cho quận, huyện trong QLCTR sinh hoạt.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tình hình quản lý chất thải trên địa bàn thành phố gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (kèm Phụ lục);
- Tổng cục Môi trường;
- TTUB: CT, PCT/ĐT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PVP/ĐT;
- Phòng ĐTMT, THKH;
- Lưu: VT, (ĐTMT/LHT) Ha //



**KT. CHỦ TỊCH  
HÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khoa**

**Phục lục: Thống kê số liệu về quản lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**Bảng 1.** Các văn bản liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

TT	Tên văn bản	Thời gian ban hành	Cấp ban hành văn bản
1	Quyết định số 5424/1998/QĐ-UB-QLĐT về quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng làm dịch vụ thu gom rác dân lập	15/10/1998	UBND TP.HCM
2	Quyết định số 130/2002/QĐ-UB về việc ban hành quy chế QLCTR thông thường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	18/11/2002	UBND TP.HCM
3	Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	10/5/2007	UBND TP.HCM
4	Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND về thu phí vệ sinh và phí BVMT đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	20/12/2008	UBND TP.HCM
5	Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND về quy định quản lý bùn thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	09/9/2015	UBND TP.HCM

**Bảng 2: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt năm 2015**

TT	Loại chất thải rắn	Ước khối lượng CTRSH phát sinh (*) (tấn/ngày)	Khối lượng chất thải rắn được thu gom, xử lý (tấn/ngày)
1	CTRSH	7.926	7.500

(\*) Chỉ số phát sinh CTRSH bình quân đầu người của Thành phố Hồ Chí Minh là 0,98 kg/người/ngày (Tổng cục Môi trường năm 2011). Như vậy, với dân số là 8.087.748 người (Niên giám thống kê năm 2015) thì khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn thành phố là 7.926 tấn/ngày (số liệu này chưa bao gồm khối lượng CTRSH từ dân nhập cư và khách du lịch).

**Bảng 3: Thông tin về cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

TT	Tên nhà máy/cơ sở/ Khu xử lý/bãi chôn lấp chất thải rắn	Địa điểm	Diện tích (ha)	Phạm vi tiếp nhận	Công suất thiết kế/ công suất thực tế (tấn/ngày)	Công nghệ xử lý	Thời gian bắt đầu vận hành	Chi phí xử lý (ngàn đồng/tấn)	Tình trạng hoạt động
1	Bãi chôn lấp số 1	Khu liên hợp xử lý chất thải Phước Hiệp, huyện Củ Chi	20	-	3.000	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh	01/2003	-	Đóng bãi: 05/2006
2	Bãi chôn lấp số 1A		9,7	-	3.000		02/2007	-	Đóng bãi: 02/2008
3	Bãi chôn lấp số 2		19,75	-	2.500		02/2008	-	Đóng bãi: 10/2013
4	Bãi chôn lấp số 3		22,68	-	2.000		10/2013	-	Ngưng tiếp nhận và chuyển thành bãi chôn lấp dự phòng từ 4/2015
5	Bãi chôn lấp Gò Cát	Khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân	25	-	3.000	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh	12/2000	-	Đóng bãi: 07/2007
6	Bãi chôn lấp Đông Thạnh	Xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn	45	Tiếp nhận chất thải xây dựng (xà bần) với công suất 1.000 tấn/ngày từ 02/2002 cho đến nay	2.000	Bãi chôn lấp hở (không có lớp lót đáy, thu gom khí,...)	1990	-	Đóng bãi: 02/2002.
7	Bãi chôn lấp Đà Đỏ	Xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ	0,44	-	16,7	Bãi chôn	1997	-	Đóng bãi: 2009